

Số: 143/TB-ĐHDL

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC TUYỂN SINH HỆ ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG CHÍNH QUY
ĐỢT II NĂM 2018

Căn cứ Thông tư số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định liên thông giữa trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh năm 2018 của trường Đại học Điện lực và Biên bản cuộc họp Hội đồng tuyển sinh của trường năm 2018 họp ngày 23 tháng 8 năm 2018;

Trường Đại học Điện lực thông báo tuyển sinh hệ đào tạo liên thông chính quy đợt II năm 2018 như sau:

I/ CÁC HỆ ĐÀO TẠO

Cao đẳng liên thông lên Đại học

Trung cấp liên thông lên Đại học

II/ NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chuyên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Chỉ tiêu
Liên thông từ cao đẳng lên đại học					
1	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Hệ thống điện; Điện công nghiệp và dân dụng	1,5 năm	60
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển; Tự động hóa và điều khiển thiết bị điện công nghiệp	1,5 năm	30
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Điện tử viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Điện tử y tế	1,5 năm	20
4	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ phần mềm; Hệ thống thương mại điện tử; Quản trị và an ninh mạng	1,5 năm	30
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ chế tạo máy	1,5 năm	30
6	Công nghệ kỹ thuật	7510203		1,5 năm	25



	cơ điện tử				
7	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	Xây dựng công trình điện; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Quản lý dự án và công trình điện	1,5 năm	30
8	Kế toán	7340301	Kế toán doanh nghiệp	1,5 năm	30
9	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị doanh nghiệp; Quản trị du lịch khách sạn	1,5 năm	20
10	Tài chính ngân hàng	7340201	Tài chính doanh nghiệp	1,5 năm	20
Liên thông từ trung cấp lên đại học					
1	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Hệ thống điện; Điện công nghiệp và dân dụng	2,5 năm	70
2	Kế toán	7340301	Kế toán doanh nghiệp	2,5 năm	30

III/ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ TUYỂN SINH VÀ THÔNG TIN TỔ CHỨC TUYỂN SINH

1/ Đối tượng và cách thức tuyển sinh:

a) Tuyển sinh sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề của ngành tuyển sinh hoặc ngành gần với ngành tuyển sinh của tất cả các trường trên địa bàn cả nước.

Thông tin cụ thể về Danh mục các ngành được tham gia tuyển sinh tham khảo ở phần Phụ lục hoặc trên Cổng thông tin tuyển sinh của trường Đại học Điện lực: tuyensinh.epu.edu.vn.

b) Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua kết quả học tập (theo điểm hệ số 10) của thí sinh ở hệ trung cấp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề theo chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành tuyển sinh.

Dự kiến tổ chức xét tuyển đợt 2 vào cuối tháng 11/2018

2/ Hồ sơ đăng ký xét tuyển, thời gian tổ chức xét tuyển và kinh phí:

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển do trường Đại học Điện lực phát hành. Hồ sơ bao gồm:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển.
 - + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp) Cao đẳng hoặc Trung cấp.
 - + 02 Bản sao công chứng bảng điểm hệ Cao đẳng hoặc Trung cấp. Nếu thí sinh tốt nghiệp hệ cao đẳng liên thông phải gửi kèm bảng điểm hệ Trung cấp.
 - + 02 ảnh 3x4 và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.
- Lệ phí tuyển sinh: 300.000đ/1 thí sinh. Nộp lệ phí tuyển sinh khi nộp hồ sơ.
- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 1: Từ ngày 01/09/2018 đến 15/11/2018.

- Địa điểm mua và nộp hồ sơ xét tuyển: Phòng Đào tạo, Tầng 1, Nhà B, Trường Đại học Điện lực. Số 235 đường Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

- Kết quả xét tuyển dự kiến sẽ công bố trước ngày 30/11/2018. Kết quả xét tuyển sẽ được công bố trên trang Web của trường Đại học Điện lực www.epu.edu.vn và trên cổng thông tin tuyển sinh của trường Đại học Điện lực www.tuyensinh.epu.edu.vn

IV/ CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

Nhà trường sẽ gửi Giấy báo nhập học cho các thí sinh trúng tuyển theo địa chỉ đã ghi trên phong bì (có trong hồ sơ của thí sinh) ngay sau khi có kết quả xét tuyển.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Điện lực.

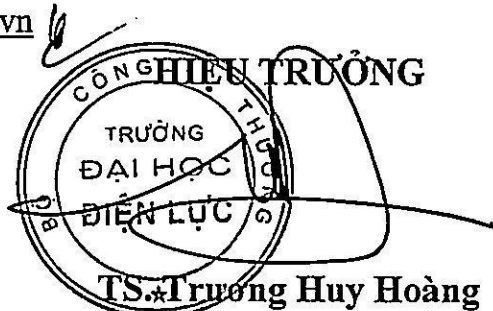
Địa chỉ: Số 235 đường Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 2245 2662;

Website tuyển sinh: tuyensinh.epu.edu.vn

Nơi nhận:

- Các đơn vị trong trường;
- Trang Web và cổng TTTS của trường;
- Lưu: VT, ĐT.



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO
ĐƯỢC DỰ TUYỂN SINH LIÊN THÔNG HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2018
(Kèm theo Thông báo Số 14/TB-ĐHDL ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc Tuyển sinh hệ đào tạo liên thông chính quy 2018)

I. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học

1. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	51510303	
3	Chuyên ngành Quản lý năng lượng của ngành Quản lý công nghiệp	51510601	
4	Điện dân dụng	50510301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5	Điện công nghiệp	50510302	
6	Sửa chữa đường dây tải điện đang vận hành	50510309	
7	Lắp đặt điện công trình	50510311	
8	Lắp đặt thiết bị điện	50510312	
9	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên	50510314	
10	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 110 KV trở xuống	50510315	
11	Vận hành điện trong nhà máy điện	50510325	
12	Vận hành nhà máy thủy điện	50510326	
13	Vận hành nhà máy nhiệt điện	50510327	
14	Vận hành và sửa chữa trạm thủy điện	50510328	
15	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	50510329	
16	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên	50510330	
17	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110KV trở xuống	50510331	
18	Đo lường điện	50510333	
19	Thí nghiệm điện	50510334	
20	Điều độ lưới điện phân phối	50510368	
21	Vận hành trạm, mạng điện	50510369	
22	Tự động hóa công nghiệp	50510370	
23	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	50510372	



2. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	51510303	
3	Chuyên ngành Quản lý năng lượng của ngành Quản lý công nghiệp	51510601	
4	Điện dân dụng	50510301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5	Điện công nghiệp	50510302	
6	Sửa chữa đường dây tải điện đang vận hành	50510309	
7	Lắp đặt điện công trình	50510311	
8	Lắp đặt thiết bị điện	50510312	
9	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên	50510314	
10	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 110 KV trở xuống	50510315	
11	Vận hành điện trong nhà máy điện	50510325	
12	Vận hành nhà máy thủy điện	50510326	
13	Vận hành nhà máy nhiệt điện	50510327	
14	Vận hành và sửa chữa trạm thủy điện	50510328	
15	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	50510329	
16	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên	50510330	
17	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110KV trở xuống	50510331	
18	Đo lường điện	50510333	
19	Thí nghiệm điện	50510334	
20	Điều độ lưới điện phân phối	50510368	
21	Vận hành trạm, mạng điện	50510369	
22	Tự động hóa công nghiệp	50510370	
23	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	50510372	
24	Sửa chữa thiết bị tự động hóa	50510310	
25	Sửa chữa đồng hồ đo điện, nhiệt, áp lực	50510336	
26	Sửa chữa thiết bị đo lường trọng lượng	50510337	

3. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	51510302	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	51510303	
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	
4	Truyền thông và mạng máy tính	51480102	
5	Điện tử dân dụng	50510344	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
6	Điện tử công nghiệp	50510345	
7	Kỹ thuật điện tử cảng hàng không	50510346	
8	Kỹ thuật điện tử tàu bay	50510347	
9	Kỹ thuật điện tử tàu thủy	50510348	
10	Kỹ thuật thiết bị thông tin hàng không	50510349	
11	Kỹ thuật dẫn đường hàng không	50510350	
12	Kỹ thuật thiết bị viễn thông và nghi khí hàng hải	50510351	
13	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối	50510355	
14	Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông	50510356	
15	Kỹ thuật truyền hình cáp	50510357	
16	Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến	50510358	
17	Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế	50510359	
18	Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế	50510360	
19	Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế	50510361	
20	Kỹ thuật thiết bị cơ điện y tế	50510362	
21	Kỹ thuật thiết bị sản xuất Dược	50510363	
22	Khai thác thiết bị dẫn đường vô tuyến mặt đất hàng không	50510364	

4. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Công nghệ thông tin

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Khoa học máy tính	51480101	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày
2	Truyền thông và mạng máy tính	51480102	
3	Hệ thống thông tin	51480104	
4	Công nghệ thông tin	51480201	



5	Tin học ứng dụng	51480202	27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
6	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	51510302	
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	50480101	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
6	Thiết kế mạch điện tử trên máy tính	50480102	
7	Tin học văn phòng	50480201	
8	Tin học viễn thông ứng dụng	50480202	
9	Xử lý dữ liệu	50480203	
10	Lập trình máy tính	50480204	
11	Quản trị cơ sở dữ liệu	50480205	
12	Quản trị mạng máy tính	50480206	
13	Thương mại điện tử	50480207	
14	Thiết kế đồ họa	50480208	
15	Thiết kế trang Web	50480209	
16	Vẽ và thiết kế trên máy tính	50480210	
17	Công nghệ thông tin(ứng dụng phần mềm)	50480211	
18	An ninh mạng	50480212	

5. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	52510201	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
2	Công nghệ chế tạo máy	52510202	
3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	52510203	
4	Công nghệ kỹ thuật ô tô	52510205	
5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	51510303	
7	Cắt gọt kim loại	50510201	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
8	Gò	50510202	
9	Hàn	50510203	
10	Rèn, dập	50510204	
11	Nguội chế tạo	50510205	
12	Nguội sửa chữa máy công cụ	50510206	
13	Nguội lắp ráp cơ khí	50510207	
14	Chế tạo thiết bị cơ khí	50510208	
15	Lắp đặt thiết bị cơ khí	50510209	

✓

16	Lắp ráp ô tô	50510210
17	Kỹ thuật máy nông nghiệp	50510211
18	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ	50510212
19	Gia công ống công nghệ	50510213
20	Gia công và lắp dựng kết cấu thép	50510214
21	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy	50510215
22	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe	50510220
23	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	50510221
24	Công nghệ ô tô	50510222

6. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	52510201	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
2	Công nghệ chế tạo máy	52510202	
3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	52510203	
4	Công nghệ kỹ thuật ô tô	52510205	
5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	51510301	
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	51510303	
7	Cắt gọt kim loại	50510201	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
8	Gò	50510202	
9	Hàn	50510203	
10	Rèn, dập	50510204	
11	Nguội chế tạo	50510205	
12	Nguội sửa chữa máy công cụ	50510206	
13	Nguội lắp ráp cơ khí	50510207	
14	Chế tạo thiết bị cơ khí	50510208	
15	Lắp đặt thiết bị cơ khí	50510209	
16	Lắp ráp ô tô	50510210	
17	Kỹ thuật máy nông nghiệp	50510211	
18	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ	50510212	
19	Gia công ống công nghệ	50510213	
20	Gia công và lắp dựng kết cấu thép	50510214	
21	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy	50510215	

✓

22	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe	50510220
23	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	50510221
24	Công nghệ ô tô	50510222

7. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	51510101	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
2	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	51510102	
3	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	51510103	
4	Công nghệ kỹ thuật giao thông	51510104	
5	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	51510105	
6	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	51510101	
7	Cấp, thoát nước	50510104	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
8	Kỹ thuật xây dựng	50510106	
9	Kỹ thuật xây dựng mỏ	50510107	
10	Xây dựng cầu đường bộ	50510108	
11	Lắp đặt cầu	50510109	
12	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	50510111	
13	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi	50510112	
14	Xây dựng công trình thủy	50510113	
15	Sửa chữa, bảo trì cảng hàng không	50510114	
16	Kỹ thuật thi công lắp dựng kính xây dựng	50510115	
17	Trùng tu di tích lịch sử	50510116	
18	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông đường sắt đô thị	50510117	
19	Kỹ thuật phục chế, gia công nhà gỗ cổ	50510119	

8. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Kế toán (Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp)

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	51340101	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ
2	Tài chính – Ngân hàng	51340201	
3	Kế toán	52340301	
4	Kiểm toán	52340302	

h

			trưởng Bộ GD&ĐT
5	Kế toán doanh nghiệp	50340301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
6	Kế toán lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội	50340302	
7	Kế toán vật tư	50340303	
8	Kế toán ngân hàng	50340304	

9. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp)

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	51340101	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
2	Tài chính – Ngân hàng	51340201	
3	Kế toán	52340301	
4	Kiểm toán	52340302	
5	Quản trị kinh doanh vận tải biển	50340101	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
6	Quản trị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa	50340102	
7	Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ	50340103	
8	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt	50340104	
9	Quản trị kinh doanh vận tải hàng không	50340105	
10	Quản lý kinh doanh điện	50340106	
11	Quản trị kinh doanh lương thực - thực phẩm	50340107	
12	Quản trị kinh doanh vật tư nông nghiệp	50340108	
13	Quản trị kinh doanh vật tư công nghiệp	50340109	
14	Quản trị kinh doanh vật tư xây dựng	50340110	
15	Quản trị kinh doanh thiết bị vật tư văn phòng	50340111	
16	Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas	50340112	
17	Quản trị kinh doanh bất động sản	50340113	
18	Marketing du lịch	50340116	
19	Marketing thương mại	50340117	
20	Quản trị nhân sự	50340401	
21	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	50340402	

22	Quản lý khu đô thị	50340406	
23	Quản lý tòa nhà	50340410	

10. Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học ngành Tài chính ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp)

TT	Tên ngành (hệ Cao đẳng)	Mã ngành	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	51340101	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng được Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
2	Tài chính – Ngân hàng	51340201	
3	Kế toán	52340301	
4	Kiểm toán	52340302	
5	Tài chính doanh nghiệp	50340201	Các ngành đào tạo cấp IV hệ cao đẳng nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
6	Bảo hiểm xã hội	50340202	
7	Tài chính tín dụng	50340203	

II. Liên thông từ Trung cấp lên Đại học

. Liên thông từ Trung cấp lên Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử

TT	Tên ngành (hệ Trung cấp)	Mã ngành	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	42510301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ Trung cấp chuyên nghiệp được Ban hành kèm theo Thông tư số 34 /2011/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	42510302	
3	Công nghệ kỹ thuật chiếu sáng đô thị	42510303	
4	Công nghệ kỹ thuật điện tàu thủy	42510304	
5	Công nghệ kỹ thuật điện đầu máy và toa xe	42510305	
6	Công nghệ kỹ thuật điện máy bay	42510306	
7	Công nghệ kỹ thuật điện máy mỏ	42510307	
8	Điện công nghiệp và dân dụng	42510308	
9	Xây lắp đường dây và trạm điện	42510310	
10	Quản lý và vận hành lưới điện	42510311	
11	Hệ thống điện	42510312	
12	Nhiệt điện	42510313	
13	Thủy điện	42510314	
14	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	42510318	
15	Điện dân dụng	40510301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ Trung cấp nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng
16	Điện công nghiệp	40510302	
17	Sửa chữa đường dây tải điện đang vận hành	40510309	
18	Lắp đặt điện công trình	40510311	
19	Lắp đặt thiết bị điện	40510312	

46

20	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên	40510314	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
21	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 110 KV trở xuống	40510315	
22	Vận hành điện trong nhà máy điện	40510325	
23	Vận hành nhà máy thủy điện	40510326	
24	Vận hành nhà máy nhiệt điện	40510327	
25	Vận hành và sửa chữa trạm thủyđiện	40510328	
26	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	40510329	
27	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên	40510330	
28	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110KV trở xuống	40510331	
29	Đo lường điện	40510333	
30	Thí nghiệm điện	40510334	
31	Điều độ lưới điện phân phối	40510368	
32	Vận hành trạm, mạng điện	40510369	
33	Tự động hóa công nghiệp	40510370	
34	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	40510372	

2. Liên thông từ Trung cấp lên Đại học ngành Kế toán (Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp)

TT	Tên ngành (hệ Trung cấp)	Mã ngành	Ghi chú
1	Kế toán hành chính sự nghiệp	42340301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ Trung cấp chuyên nghiệp được Ban hành kèm theo Thông tư số 34 /2011/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Kế toán lao động tiền lương và bảo trợ xã hội	42340302	
3	Kế toán doanh nghiệp	42340303	
4	Kế toán hợp tác xã	42340304	
5	Kế toán xây dựng	42340305	
6	Kiểm toán	42340306	
7	Kế toán doanh nghiệp	40340301	Các ngành đào tạo cấp IV hệ Trung cấp nghề được Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
8	Kế toán lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội	40340302	
9	Kế toán vật tư	40340303	
10	Kế toán ngân hàng	40340304	
11	Kế toán tin học	40340305	



THƯỜNG